

Số: ~~1689~~ /QĐ-ĐHTĐHN

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy định mở ngành đào tạo
của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

Căn cứ Quyết định số 2402/QĐ-TTg ngày 31/12/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc thành lập Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 3221/QĐ-UBND ngày 23/6/2023 của Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội về việc Quy định vị trí, chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Căn cứ Quyết định số 1982/QĐ-TTg ngày 18/10/2016 của Thủ tướng chính phủ về việc phê duyệt khung trình độ quốc gia Việt Nam;

Căn cứ Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định về chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo, đình chỉ hoạt động của ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

Căn cứ Quyết định số 224/QĐ-ĐHTĐHN ngày 04/4/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc ban hành Quy định xây dựng và công bố chuẩn đầu ra; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các ngành của giáo dục đại học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội;

Xét đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, Trưởng phòng Sau đại học.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này “Quy định về việc mở ngành đào tạo của Trường Đại học Thủ đô Hà nội”.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực từ ngày kí và thay thế các văn bản quy định về việc mở ngành đào tạo tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Điều 3. Các ông (bà) Trưởng đơn vị thuộc Trường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Hội đồng Trường;
- Ban Giám hiệu;
- Lưu: VT, QLĐT&CTHSSV (3 bản).




Đỗ Hồng Cường

UBND THÀNH PHỐ HÀ NỘI
TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦ ĐÔ HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY ĐỊNH

V/v mở ngành đào tạo của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1689/QĐ-ĐHTĐHN ngày 02/10/2024
của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

CHƯƠNG I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Văn bản này quy định về điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội, sau đây gọi là Quy định mở ngành đào tạo.

2. Các quy định liên quan đến việc lập hồ sơ mở ngành đào tạo của Trường Đại học Thủ đô Hà Nội đều được quản lý thống nhất theo Quy định này.

Điều 2. Mục tiêu

1. Đảm bảo thực hiện mở ngành đào tạo đáp ứng đúng nhu cầu của xã hội về nguồn nhân lực; góp phần phát triển kinh tế, xã hội của Thủ đô và đất nước; phù hợp với định hướng phát triển của Nhà trường.

2. Hướng dẫn thống nhất công tác khảo sát, lập hồ sơ mở ngành đào tạo tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

3. Là cơ sở pháp lý cho việc kiểm định, kiểm tra, giám sát, đánh giá về công tác mở ngành và phát triển ngành đào tạo tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

1. Danh mục thống kê ngành đào tạo là Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành theo quy định.

2. Ngành đào tạo là tập hợp kiến thức và kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

3. Nhóm ngành đào tạo là tập hợp một số ngành đào tạo có những đặc điểm chung về chuyên môn, trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ, được thống kê, phân loại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

4. Lĩnh vực đào tạo là tập hợp các nhóm ngành đào tạo có những đặc điểm chung về kiến thức, kỹ năng chuyên môn trong phạm vi hoạt động nghề nghiệp, khoa học và công nghệ được thống kê, phân loại trong Danh mục thống kê ngành đào tạo do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

5. Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành đào tạo dự kiến mở ở trình độ đại học/thạc sĩ là ngành có cùng tên và cùng 6 chữ số cuối của mã ngành theo Danh mục thống kê ngành đào tạo; trường hợp ngành đó chưa được đào tạo trong nước ở trình độ tiến sĩ hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp thì ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành đào tạo ở trình độ đại học/thạc sĩ. Riêng đối với ngành thuộc nhóm ngành Đào tạo giáo viên (trình độ đại học), ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ là ngành chuyên môn tương ứng với ngành đào tạo giáo viên, hoặc là ngành Lý luận và phương pháp dạy học bộ môn (của ngành chuyên môn tương ứng).

6. Ngành phù hợp ở trình độ tiến sĩ đối với một ngành dự kiến mở ở trình độ tiến sĩ là ngành dự kiến mở; trường hợp ngành dự kiến mở chưa được đào tạo trong nước hoặc chưa có nhiều người tốt nghiệp, ngành phù hợp là ngành có nội dung kiến thức chuyên môn gần nhất và thuộc cùng nhóm ngành với ngành dự kiến mở.

7. Thành phần của một chương trình đào tạo là một nhóm học phần và các hoạt động học tập, nghiên cứu khác có đặc điểm chung về chuyên môn; có vai trò rõ nét trong thực hiện một nhóm mục tiêu và yêu cầu đầu ra của chương trình đào tạo. Các thành phần được sử dụng để thiết kế cấu trúc tổng thể của chương trình đào tạo (như giáo dục đại cương, khoa học cơ bản, cơ sở và cốt lõi ngành, thực tập và trải nghiệm, nghiên cứu khoa học, và các thành phần khác).

8. Giảng viên toàn thời gian trong mở ngành đào tạo bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên đang làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo (sau đây gọi chung là giảng viên toàn thời gian), cụ thể như sau:

a) Giảng viên cơ hữu được xác định theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều 10 Nghị định số 99/2019/NĐ-CP ngày 30/12/2019 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giáo dục đại học;

b) Giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên, làm việc toàn thời gian tại cơ sở đào tạo theo quy định hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về chế độ làm việc của giảng viên đại học trong cả năm học tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, đồng thời không ký hợp đồng lao động có thời hạn từ 3 tháng trở lên với đơn vị sử dụng lao động khác.

9. Giảng viên thỉnh giảng trong mở ngành đào tạo là người không thuộc diện theo quy định tại khoản 8 Điều này nhưng có ký hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo theo quy định của pháp luật, giảng dạy theo kế hoạch được phân công tại thời điểm nộp hồ sơ đăng ký mở ngành, được cơ sở đào tạo trả lương, thù lao theo hợp đồng thỉnh giảng với cơ sở đào tạo.

10. Giảng viên có chuyên môn phù hợp để giảng dạy chương trình đào tạo

là giảng viên được đào tạo ở trình độ và ngành có kiến thức chuyên môn phù hợp để giảng dạy các học phần trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở; đồng thời đã có kinh nghiệm giảng dạy đại học tối thiểu từ 02 năm trở lên đối với các học phần tương ứng trong chương trình đào tạo của ngành dự kiến mở hoặc đã có các công trình khoa học liên quan đến nội dung được dự kiến phân công giảng dạy được công bố trên các tạp chí khoa học chuyên ngành trong nước hoặc quốc tế trong thời gian 05 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo.

CHƯƠNG II

MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 4. Điều kiện chung

Các Đơn vị đào tạo được mở ngành đào tạo trình độ đại học, trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ khi bảo đảm các điều kiện sau đây:

1. Ngành đào tạo và trình độ đào tạo dự kiến mở

a) Ngành đào tạo dự kiến mở phải phù hợp với nhu cầu của xã hội và người học; phù hợp với yêu cầu nguồn nhân lực cho sự phát triển kinh tế - xã hội của địa phương, vùng, cả nước và của lĩnh vực đào tạo bảo đảm hội nhập quốc tế; phù hợp với chức năng, nhiệm vụ của Đơn vị đào tạo. Việc mở ngành đào tạo phải được xác định trong chiến lược phát triển của Nhà trường;

b) Có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo của giáo dục đại học ban hành kèm theo quy định (trừ trường hợp có quy định riêng của Chính phủ, thủ tướng Chính phủ);

c) Trường hợp ngành đăng ký đào tạo chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo (gọi là ngành mới), Đơn vị đào tạo phải làm rõ:

- Có căn cứ khoa học và thực tiễn về nguồn gốc hình thành ngành đào tạo mới (trên cơ sở tách ra từ một ngành hoặc ghép lại một số ngành theo yêu cầu phát triển của khoa học, công nghệ và thực tiễn nghề nghiệp);

- Có sự khác biệt tối thiểu là 30% về kiến thức và kỹ năng chuyên môn so với các ngành hiện có thuộc nhóm ngành dự kiến sắp xếp trong Danh mục thống kê ngành đào tạo;

- Có số liệu phân tích, dự báo tin cậy về nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo hiện tại không đáp ứng được; đối với các ngành đã có sinh viên tốt nghiệp phải có số liệu phân tích, đánh giá tin cậy về khả năng đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực mà các ngành đào tạo khác không đáp ứng được;

- Đã được đào tạo tại nhiều cơ sở đào tạo có uy tín trên thế giới hoặc đã được liệt kê ở ít nhất hai bảng phân loại các chương trình và ngành đào tạo thông dụng trên thế giới (trừ một số ngành chỉ đào tạo ở Việt Nam hoặc các ngành liên quan đến an ninh, quốc phòng);

- Đã được phát triển chương trình, tổ chức đào tạo, đánh giá và công nhận đạt tiêu chuẩn chất lượng kiểm định chương trình tại ít nhất hai cơ sở đào tạo trong nước và được các cơ sở đào tạo đó cùng đề xuất bổ sung vào Danh mục;

- Đối với các ngành thuộc lĩnh vực đào tạo giáo viên, nghệ thuật, thể thao, pháp luật, sức khỏe, an ninh, quốc phòng phải có ý kiến đồng thuận của cơ quan quản lý nhà nước về lĩnh vực ngành tương ứng.

2. Đội ngũ giảng viên

a) Có đội ngũ giảng viên đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng để tổ chức thực hiện chương trình đào tạo (bao gồm giảng viên cơ hữu và giảng viên thỉnh giảng), đáp ứng yêu cầu đội ngũ giảng viên theo quy định về chuẩn chương trình đào tạo của trình độ đào tạo, lĩnh vực, nhóm ngành và ngành đào tạo, trong đó giảng viên thỉnh giảng (tính theo từng năm học) chỉ đảm nhận tối đa 30% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo; các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này), giảng viên thỉnh giảng có thể đảm nhận tối đa 40% khối lượng giảng dạy ở mỗi thành phần trong chương trình đào tạo;

b) Đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật thực hiện theo quy định tại điểm a khoản này và các quy định sau:

- Giảng viên có danh hiệu là Nghệ sĩ Nhân dân hoặc Nghệ nhân Nhân dân hoặc Nhà giáo Nhân dân do Nhà nước trao tặng, đồng thời có bằng thạc sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo; hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ ngành phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo;

- Riêng ngành đào tạo ngôn ngữ dân tộc thiểu số Việt Nam thuộc nhóm ngành Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, giảng viên là người dân tộc thiểu số hoặc người có hiểu biết về ngôn ngữ, văn hóa dân tộc thiểu số phù hợp với ngôn ngữ văn hóa dân tộc thiểu số của ngành đào tạo dự kiến mở, đồng thời có bằng thạc sĩ có thể thay cho giảng viên có bằng tiến sĩ và không phải là giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo (đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học); hoặc đồng thời có bằng tiến sĩ có thể thay cho giảng viên có chức danh phó giáo sư và không phải giảng viên chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện giảng dạy chương trình đào tạo;

c) Đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), giảng viên và người hướng dẫn thực hành các môn học, học phần liên quan đến khám, chữa bệnh phải có chứng chỉ hành nghề

khám bệnh, chữa bệnh, đã hoặc đang làm việc trực tiếp tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh đủ điều kiện là cơ sở thực hành trong đào tạo ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe.

3. Về cơ sở vật chất

a) Có cơ sở vật chất, thiết bị, thư viện, giáo trình đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu theo yêu cầu của chương trình đào tạo, đáp ứng yêu cầu về cơ sở vật chất theo quy định của chuẩn chương trình đào tạo của lĩnh vực, nhóm ngành, ngành đào tạo;

b) Có đủ phòng học, phòng thí nghiệm, phòng thực hành, cơ sở sản xuất thử nghiệm, hệ thống công nghệ thông tin, hệ thống quản lý hỗ trợ học tập, quản lý đào tạo cùng các thiết bị cần thiết đáp ứng yêu cầu giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học theo yêu cầu của chương trình đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo ở từng trình độ đào tạo và phải có kế hoạch sử dụng phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành với diện tích và các thiết bị cụ thể của từng phòng thí nghiệm, thực hành phù hợp với số lượng sinh viên thực hành, thí nghiệm tại mỗi bàn và mỗi thiết bị trong mỗi phòng thí nghiệm, phòng thực hành, phù hợp với quy mô đào tạo theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học;

c) Có hợp đồng hợp tác đào tạo thực hành, thực tập với các cơ sở thực hành, thực tập bên ngoài nhà trường phù hợp với kế hoạch giảng dạy, học tập, nghiên cứu khoa học cho toàn khóa học; các cơ sở thực hành đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực sức khỏe phải có hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành bảo đảm tuân thủ theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe;

d) Có thư viện truyền thống và thư viện điện tử bảo đảm đủ giáo trình, tài liệu hỗ trợ giảng dạy, học tập, nghiên cứu của giảng viên và người học; có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu trong nước về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo; Thư viện trường phải có bản quyền truy cập cơ sở dữ liệu quốc tế về sách, tạp chí khoa học liên quan đến ngành đào tạo, đáp ứng yêu cầu của ngành và trình độ đào tạo, phù hợp với quy mô đào tạo;

đ) Có trang thông tin điện tử đăng tải đầy đủ thông tin yêu cầu phải công khai theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định khác có liên quan của pháp luật.

4. Chương trình đào tạo của ngành đề xuất mở được xây dựng, thẩm định và ban hành bảo đảm theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Đáp ứng các yêu cầu theo chuẩn chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học theo quy định tại Chương II, của Thông tư số 17/2021/TT-BGDĐT ngày 22/6/2021 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về

chuẩn chương trình đào tạo; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo các trình độ của giáo dục đại học và Khung trình độ quốc gia Việt Nam;

b) Thể hiện rõ khả năng góp phần đáp ứng nhu cầu nhân lực theo kế hoạch, chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, quốc gia và nhu cầu của thị trường lao động;

c) Phản ánh yêu cầu của các bên liên quan, trong đó có đại diện giảng viên tại các đơn vị chuyên môn, đại diện các đơn vị sử dụng lao động và hiệp hội nghề nghiệp, các chuyên gia trong lĩnh vực chuyên môn, người đã tốt nghiệp chương trình đào tạo đang làm việc đúng chuyên môn;

d) Được tham khảo, đối sánh với chương trình đào tạo cùng trình độ, cùng ngành đã được kiểm định của các cơ sở đào tạo có uy tín ở trong nước và nước ngoài;

đ) Được thiết kế dựa trên chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo; phải tích hợp giảng dạy kỹ năng với kiến thức; phải có ma trận các môn học hoặc học phần với chuẩn đầu ra, bảo đảm chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo được phân bổ và truyền tải đầy đủ thành chuẩn đầu ra của các môn học hoặc học phần;

e) Các hoạt động dạy và học, kiểm tra đánh giá phải được lập kế hoạch và thiết kế dựa vào chuẩn đầu ra của môn học hoặc học phần, bảo đảm cung cấp những hoạt động giảng dạy thúc đẩy việc học tập đáp ứng chuẩn đầu ra;

g) Có quy định, hướng dẫn thực hiện chương trình đào tạo, bảo đảm chất lượng đào tạo;

h) Được hội đồng khoa học và đào tạo thông qua và được Hiệu trưởng ban hành theo quy định.

5. Hội đồng trường có Nghị quyết thông qua chủ trương mở ngành đào tạo sau khi đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường thẩm định đề án mở ngành.

Điều 5. Điều kiện mở ngành đào tạo

1. Đối với mở ngành đào tạo trình độ đại học phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành đào tạo theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

a) Có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu, không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học của các ngành khác (trường hợp ngành đào tạo dự kiến mở là ngành ghép bởi các ngành học từ các nhóm ngành khác nhau, hoặc ngành đào tạo mang tính liên ngành được sắp xếp đồng thời vào một số nhóm ngành khác nhau, yêu cầu mỗi ngành được ghép phải có ít nhất 01 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

b) Có ít nhất 05 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp để chủ trì giảng dạy chương trình (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại điểm a khoản 1 Điều này), trong đó mỗi thành phần của chương trình đào tạo phải có giảng viên với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy. Riêng đối với các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật (quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo), phải bảo đảm tối thiểu có 03 tiến sĩ là giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp;

c) Có đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình đào tạo (tính cả tiến sĩ ngành phù hợp quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Quy định này), bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo và bảo đảm mỗi học phần của chương trình đào tạo phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp đảm nhiệm, bảo đảm tỉ lệ sinh viên trên giảng viên theo quy định; có kế hoạch, phương án tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3 chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên (theo quy định tại Danh mục thống kê ngành đào tạo), phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo (quy định tại điểm a khoản 2 Điều 4 của Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo;

d) Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm a, b, c khoản 1 Điều này và bảo đảm các điều kiện cụ thể về giảng viên đối với từng ngành đào tạo theo quy định tại Bảng 1, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm a,b,c khoản 1 Điều này và có tối thiểu 03 tiến sĩ với ngành học thuộc lĩnh vực Pháp luật;

đ) Điều kiện về cơ sở vật chất theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định này, phải bảo đảm đủ cho 02 năm học đầu của chương trình đào tạo, và phải có kế hoạch, phương án đầu tư cơ sở vật chất, mua sắm thiết bị cho các năm học tiếp theo của toàn khóa học để từ năm học thứ 3, chậm nhất trước 01 năm tính đến thời điểm bắt đầu diễn ra năm học mới phải bảo đảm có đầy đủ điều kiện về cơ sở vật chất theo yêu cầu của chương trình đào tạo cho từng năm học của khóa học. Riêng đối với các ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe, lĩnh vực Pháp luật, lĩnh vực Khoa học giáo dục và đào tạo giáo viên, phải đáp ứng đầy đủ điều kiện về cơ

sở vật chất (quy định tại điểm b khoản 3 Điều 4 Quy định này) cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo;

e) Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Sức khỏe phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều này và phải bảo đảm các điều kiện cụ thể về phòng thí nghiệm, thực hành đối với từng ngành đào tạo theo quy định tại Bảng 2, Phụ lục 2 ban hành kèm theo Thông tư số 02/2022/TT-BGDĐT ngày 18/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Đối với ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Pháp luật, phải đáp ứng các điều kiện theo quy định tại điểm e khoản 1 Điều này và bảo đảm có phòng diễn án, trung tâm thực hành (tư vấn) pháp luật.

2. Đối với mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành đào tạo theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

a) Có ít nhất 05 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ thạc sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

b) Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, trong đó có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo;

c) Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn luận văn theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ thạc sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Đã đào tạo và cấp bằng trình độ đại học ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ đại học chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

3. Đối với mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ phải đáp ứng các điều kiện chung để mở ngành đào tạo theo quy định tại Điều 4 Quy định này và các điều kiện cụ thể sau đây cho toàn bộ khóa học tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị mở ngành đào tạo:

a) Có ít nhất 01 giáo sư hoặc 02 phó giáo sư và 03 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu (các ngành đào tạo giáo viên tiếng dân tộc thiểu số Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa Việt Nam, ngành đào tạo Ngôn ngữ, văn học và văn hóa nước ngoài, ngành đào tạo Thể dục, thể thao, ngành đào tạo

thuộc lĩnh vực Nghệ thuật, phải có ít nhất 01 giáo sư hoặc 01 phó giáo sư và 02 tiến sĩ ngành phù hợp là giảng viên cơ hữu), trong đó có một giáo sư hoặc phó giáo sư có kinh nghiệm quản lý đào tạo hoặc giảng dạy đại học tối thiểu từ 03 năm trở lên (không trùng với giảng viên cơ hữu là điều kiện mở ngành đào tạo trình độ tiến sĩ của các ngành khác), chịu trách nhiệm chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo;

b) Bảo đảm về số lượng và chất lượng đội ngũ giảng viên để thực hiện chương trình đào tạo, giảng viên tham gia giảng dạy phải bảo đảm tiêu chuẩn của giảng viên giảng dạy trình độ tiến sĩ theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo để giảng dạy các nội dung trong chương trình đào tạo, trong đó phải có giảng viên cơ hữu với chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy đối với từng môn học, học phần trong chương trình đào tạo;

c) Bảo đảm về số lượng và tiêu chuẩn của người hướng dẫn nghiên cứu sinh theo quy định tại quy chế tuyển sinh và đào tạo trình độ tiến sĩ hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Đã đào tạo và cấp bằng trình độ thạc sĩ ngành tương ứng, hoặc ngành phù hợp trong trường hợp ngành đào tạo ở trình độ thạc sĩ chưa có trong Danh mục thống kê ngành đào tạo.

CHƯƠNG III

TRÌNH TỰ, THỦ TỤC MỞ NGÀNH ĐÀO TẠO

Điều 6. Xây dựng và phê duyệt đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo

1. Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng trường về việc phát triển ngành đào tạo. Hiệu trưởng chỉ đạo, tổ chức việc xây dựng và đề xuất chủ trương về việc mở ngành đào tạo.

2. Nội dung đề xuất chủ trương về việc mở ngành gồm có:

a) Về sự cần thiết đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về nhu cầu đào tạo, nhu cầu sử dụng nhân lực phục vụ thị trường lao động hiện tại và hướng đến trong thời gian tới; phân tích và dự báo nhu cầu nhân lực về số lượng, trình độ, khảo sát yêu cầu về năng lực người học sau khi tốt nghiệp mà nhà tuyển dụng mong muốn và phạm vi thị trường nhân lực theo ngành đào tạo; phân tích xu hướng phát triển ngành đào tạo trên thế giới, sự phù hợp với sự phát triển ngành và trình độ đào tạo của cơ sở đào tạo, phù hợp với sứ mạng và mục tiêu chiến lược của cơ sở đào tạo, chiến lược quy hoạch phát triển kinh tế - xã hội của ngành, địa phương, vùng và cả nước;

b) Về năng lực của Đơn vị đào tạo: báo cáo phân tích, thuyết minh về năng lực hiện có của Đơn vị đào tạo đối với ngành và trình độ đào tạo đề xuất mở, bao

gồm đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, công nghệ học liệu, chương trình đào tạo, nghiên cứu khoa học, hợp tác doanh nghiệp và hợp tác quốc tế;

c) Về mục tiêu phát triển ngành đào tạo đề xuất mở: báo cáo thuyết minh kết quả mong đợi về thời gian mở ngành đào tạo, thời gian triển khai tổ chức thực hiện chương trình đào tạo, mục tiêu đào tạo, kế hoạch và số lượng tuyển sinh, quy mô đào tạo của ngành trong thời gian từ 05 đến 10 năm tới, chất lượng đào tạo, hiệu quả và tác động xã hội;

d) Về giải pháp và lộ trình thực hiện: báo cáo thuyết minh các giải pháp và lộ trình về xây dựng đề án mở ngành đào tạo, xây dựng chương trình đào tạo, nhu cầu và kế hoạch đầu tư cơ sở vật chất, công nghệ và học liệu, nhu cầu và kế hoạch tuyển dụng, phát triển đội ngũ giảng viên để đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo, kế hoạch đánh giá và kiểm định chương trình đào tạo;

đ) Về phương án phòng ngừa và xử lý rủi ro: báo cáo phân tích, thuyết minh dự báo các tình huống rủi ro có thể xảy ra và các biện pháp ngăn ngừa, khắc phục; báo cáo phân tích cụ thể về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo.

3. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức thẩm định và có kết luận về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo do các đơn vị đào tạo xây dựng, chịu trách nhiệm về các điều kiện mở ngành, tính khả thi và hiệu quả của việc tổ chức đào tạo đối với ngành dự kiến mở; bảo đảm đầy đủ nội dung và chất lượng theo quy định tại khoản 2 Điều này và các quy định hiện hành của pháp luật có liên quan.

4. Phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo

Căn cứ kết quả thẩm định chủ trương mở ngành đào tạo của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường theo quy định tại khoản 3 Điều này, Hiệu trưởng lập tờ trình trình Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành.

5. Tùy từng điều kiện cụ thể, Nhà trường sẽ quy định chi tiết việc xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo, quy định việc xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện đối với từng nội dung xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo (quy định tại khoản 2 Điều này), trong đó có quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân trong việc xây dựng và đề xuất chủ trương mở ngành.

Điều 7. Xây dựng đề án mở ngành đào tạo

Trên cơ sở chủ trương mở ngành được Hội đồng trường phê duyệt, Hiệu trưởng chỉ đạo và tổ chức xây dựng đề án mở ngành đào tạo. Đề án mở ngành đào tạo bao gồm các nội dung chính:

1. Một số thông tin cơ bản giới thiệu về cơ sở đào tạo: Giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo.

2. Sự cần thiết mở ngành đào tạo: báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt.

3. Điều kiện về chương trình đào tạo để mở ngành đào tạo: Toàn bộ quá trình tổ chức xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo phải tuân thủ các quy định được ban hành kèm theo Quyết định số 224/QĐ-ĐHTĐHN ngày 04/04/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc xây dựng và công bố chuẩn đầu ra; xây dựng, thẩm định và ban hành chương trình đào tạo; đánh giá, cải tiến chất lượng chương trình đào tạo các trình độ tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội và các quy định có liên quan của pháp luật hiện hành.

4. Điều kiện về đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học và điều kiện về cơ sở vật chất để mở ngành đào tạo được quy định tại Điều 4 của Quy định này.

5. Điều kiện về tổ chức bộ máy quản lý để mở ngành đào tạo:

- Phải có đơn vị chuyên môn cấp khoa hoặc tương đương để quản lý các hoạt động chuyên môn, giảng viên, người học và các nhiệm vụ quản lý khác đối với ngành đào tạo dự kiến mở;

- Phải có cán bộ quản lý chuyên môn và giao trách nhiệm, quyền hạn cho tập thể và cá nhân cán bộ quản lý chuyên môn để quản lý và tổ chức các hoạt động chuyên môn đối với ngành đào tạo dự kiến mở.

6. Phương án, giải pháp đề phòng, ngăn ngừa, xử lý rủi ro trong mở ngành đào tạo:

a) Báo cáo phân tích tình hình phát triển kinh tế xã hội, dự báo những biến động có thể xảy ra, phân tích điểm mạnh, điểm yếu của Nhà trường và những nội dung khác có liên quan, từ đó dự báo các rủi ro có thể xảy ra khi mở ngành và triển khai tuyển sinh, đào tạo cùng các giải pháp chung để ngăn ngừa kịp thời nhằm hạn chế rủi ro cũng như đề xuất các phương án cụ thể mang tính chủ động để ngăn ngừa và xử lý khi rủi ro xảy ra;

b) Báo cáo thuyết minh về các giải pháp xử lý rủi ro trong trường hợp Nhà trường bị đình chỉ hoạt động ngành đào tạo với các phương án, giải pháp cụ thể để bảo vệ quyền lợi cho người học, giảng viên, cơ sở đào tạo và các bên liên quan.

7. Các minh chứng kèm theo đề án

a) Biên bản thẩm định đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường;

b) Nghị quyết của Hội đồng trường duyệt chủ trương mở ngành đào tạo (sau khi Hiệu trưởng lập tờ trình trình Hội đồng trường về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo căn cứ trên biên bản thẩm định của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường);

c) Biên bản thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường;

d) Quyết định thành lập hội đồng xây dựng chương trình đào tạo, quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; biên bản thẩm định chương trình đào tạo; quyết định ban hành chương trình đào tạo;

đ) Danh sách đội ngũ giảng viên, cán bộ khoa học đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo theo quy định, gồm các thông tin theo mẫu báo cáo quy định tại Mục 1 (về giảng viên) và Mục 2 (về kết quả nghiên cứu khoa học) của Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này; bản sao các quyết định tuyển dụng hoặc hợp đồng lao động; bản sao chứng thực văn bằng do cơ sở đào tạo Việt Nam cấp hoặc văn bằng do cơ sở đào tạo nước ngoài cấp và giấy công nhận văn bằng do cơ quan có thẩm quyền cấp; lý lịch khoa học; minh chứng về công trình khoa học đã công bố (bài báo khoa học, sách, giáo trình, bằng phát minh sáng chế, ...);

e) Bảng thống kê về cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thí nghiệm, thực hành, thực tập đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo đã chuẩn bị theo quy định, gồm các thông tin theo các mẫu báo cáo được quy định tại Mục 3 (về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo) Phụ lục ban hành kèm theo Quy định này;

g) Hợp đồng nguyên tắc về đào tạo thực hành theo quy định của Chính phủ về tổ chức đào tạo thực hành trong đào tạo khối ngành sức khỏe (đối với đề án mở ngành thuộc lĩnh vực sức khỏe).

8. Tùy từng điều kiện cụ thể việc xây dựng đề án mở ngành đào tạo, Nhà trường sẽ quy định chi tiết việc xây dựng kế hoạch, phân công nhiệm vụ, thời gian thực hiện, dự kiến sản phẩm và tổ chức thực hiện kế hoạch, quy định về trách nhiệm, quyền hạn và sự phối hợp giữa các tập thể và cá nhân của Nhà trường trong việc xây dựng đề án và chuẩn bị các điều kiện mở ngành đào tạo, quy định việc theo dõi, giám sát, đánh giá kết quả thực hiện, xử lý điều chỉnh và quyết định đối với từng nội dung của đề án trong quá trình xây dựng đề án mở ngành đào tạo của Nhà trường.

Điều 8. Thẩm định đề án mở ngành đào tạo

1. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo, trong đó hội đồng thẩm định phải xem xét, đánh giá điều kiện thực tế của Nhà trường trên cơ sở căn cứ các quy định về cơ sở vật chất của Quy định này và các quy định của pháp luật hiện hành, đánh giá mức độ đáp ứng so với yêu cầu về điều kiện để được mở ngành đối với từng nội dung cụ thể của đề án, bao gồm thẩm định các điều kiện về tên ngành đào tạo, chương trình đào tạo, đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, khả năng sẵn sàng chuyển sang dạy - học trực tuyến và công tác tổ chức quản lý đối với ngành đào tạo đề xuất mở.

2. Kết quả thẩm định đề án mở ngành đào tạo của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường phải được thể hiện bằng biên bản thẩm định và có kết luận cụ thể về việc Nhà trường có đủ điều kiện để được mở ngành đào tạo hoặc chưa đủ điều

kiện theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các quy định của pháp luật hiện hành. Trong quá trình thẩm định, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường phải kiểm tra điều kiện thực tế và kiểm tra các minh chứng cụ thể trước khi kết luận, báo cáo với Hiệu trưởng về kết quả thẩm định và chịu trách nhiệm giải trình về kết quả thẩm định.

3. Nguyên tắc làm việc của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường khi tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo:

- Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, phòng Sau đại học gửi đề án mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ cho Thư kí Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường trước khi họp Hội đồng ít nhất 03 ngày;

- Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường phân công thành viên Hội đồng có chuyên môn phù hợp với ngành đào tạo dự kiến mở viết đánh giá, nhận xét đề án;

- Tùy lĩnh vực chuyên môn của ngành dự kiến mở, Chủ tịch Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường mời các đơn vị có liên quan tham gia họp thẩm định;

- Trên cơ sở báo cáo của đơn vị đào tạo được phân công xây dựng đề án mở ngành đào tạo và các ý kiến của thành viên hội đồng, Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường bỏ phiếu thông qua hay không thông qua đề án mở ngành đào tạo.

Điều 9. Trình tự, thủ tục lập hồ sơ mở ngành đào tạo

1. Trình tự lập hồ sơ mở ngành đào tạo:

a) Trên cơ sở Nghị quyết của Hội đồng trường về việc phát triển ngành đào tạo, Hiệu trưởng giao nhiệm vụ cho đơn vị chức năng tiến hành khảo sát nhu cầu xã hội về nguồn nhân lực, lập báo cáo kết quả khảo sát, lập hồ sơ năng lực và xây dựng đề án mở ngành. Minh chứng về nhu cầu xã hội đối với ngành dự kiến mở mới, bao gồm kết quả khảo sát tình hình việc làm của sinh viên tốt nghiệp trong cùng lĩnh vực ở địa phương, khu vực; ý kiến của những cơ quan, doanh nghiệp sử dụng lao động, dự báo nhu cầu nhân lực trong lĩnh vực phục vụ phát triển kinh tế - xã hội;

b) Căn cứ về nhu cầu của xã hội đối với nguồn nhân lực về ngành đào tạo, các Đơn vị đào tạo lập tờ trình đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo trình Hiệu trưởng. Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức thẩm định và có biên bản thẩm định để báo cáo Hiệu trưởng về đề xuất chủ trương mở ngành đào tạo;

c) Trên cơ sở chủ trương đề xuất mở ngành đào tạo đã được Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức thẩm định và có kết luận, Hiệu trưởng lập tờ trình trình Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành đào tạo;

d) Tổ chức xây dựng và công bố chuẩn đầu ra của ngành đào tạo; xây dựng chương trình đào tạo;

đ) Chuẩn bị các điều kiện để mở ngành đào tạo, bao gồm: đội ngũ giảng viên, cơ sở vật chất, thư viện, giáo trình;

e) Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường tổ chức thẩm định đề án mở ngành đào tạo.

2. Hồ sơ mở ngành đào tạo bao gồm:

a) Văn bản đề nghị mở ngành đào tạo: Tóm tắt quá trình xây dựng đề án, báo cáo khẳng định việc đảm bảo đủ các điều kiện theo quy định để được mở ngành đào tạo và đề nghị cấp có thẩm quyền quyết định. Bao gồm:

- Báo cáo khảo sát, phân tích, đánh giá về nhu cầu nguồn nhân lực của thị trường lao động đối với ngành đào tạo dự kiến mở;

- Báo cáo năng lực và mục tiêu phát triển ngành đào tạo của đơn vị đào tạo đối với ngành dự kiến mở;

- Biên bản họp Hội đồng Khoa học và Đào tạo của đơn vị đào tạo;

- Tờ trình mở ngành của đơn vị đào tạo gửi Phòng chức năng;

- Đề xuất chủ trương mở ngành của đơn vị đào tạo.

b) Đề án mở ngành đào tạo:

- Một số thông tin cơ bản giới thiệu về cơ sở đào tạo: Giới thiệu sơ lược về cơ sở đào tạo;

- Sự cần thiết mở ngành đào tạo: Báo cáo khái quát các nội dung về chủ trương mở ngành đào tạo đã được phê duyệt;

- Các nội dung tại khoản 7 Điều 7 Quy định này;

- Quyết định phê duyệt đề án mở ngành đào tạo;

- Kế hoạch xây dựng đề án mở ngành sau khi được Hội đồng trường phê duyệt chủ trương mở ngành.

c) Chương trình đào tạo:

- Chuẩn đầu ra; chương trình đào tạo; bản mô tả chương trình đào tạo; chương trình dạy học;

- Quyết định thành lập Hội đồng xây dựng chương trình đào tạo; Quyết định thành lập hội đồng thẩm định chương trình đào tạo; Biên bản thẩm định chương trình đào tạo và các phiếu nhận xét, đánh giá;

- Quyết định ban hành chương trình đào tạo (đối với các ngành ngoài Sư phạm);

- Công văn gửi Bộ Giáo dục và Đào tạo (đối với các ngành đào tạo Giáo viên).

Điều 10. Phê duyệt đề án và quyết định mở ngành đào tạo

1. Đối với các ngành đào tạo mà nhà trường được tự chủ mở ngành

Căn cứ kết quả thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng Khoa học và Đào tạo Trường, Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, phòng Sau đại học trình Hiệu trưởng xem xét ban hành Quyết định mở ngành.

2. Đối với các ngành mà Nhà trường chưa được tự chủ mở ngành

Căn cứ kết quả thẩm định đề án mở ngành của Hội đồng KH&ĐT, Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, phòng Sau đại học trình Hiệu trưởng xem xét và gửi công văn đề nghị Bộ GD&ĐT cho phép mở ngành đào tạo.

Trường hợp hồ sơ mở ngành chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được các điều kiện để mở ngành, Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, phòng Sau đại học là đầu mối để hướng dẫn các đơn vị có liên quan hoàn thiện hồ sơ mở ngành theo quy định.

Điều 11. Chế độ báo cáo, lưu trữ và công khai thông tin

1. Trong thời gian 10 ngày kể từ ngày ban hành quyết định mở ngành đào tạo, Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, phòng Sau đại học là đầu mối báo cáo Bộ GD&ĐT và UBND thành phố Hà Nội:

a) Quyết định mở ngành đào tạo;

b) Đề án mở ngành đào tạo;

c) Địa chỉ truy cập trang thông tin điện tử của nhà trường đã công khai các nội dung liên quan đến việc mở ngành đào tạo.

2. Đối với ngành đào tạo đã mở: từ năm học thứ hai (kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo) đến khi kết thúc khóa học đầu tiên, trước ngày bắt đầu năm học mới của từng năm học, nhà trường phải báo cáo Bộ GD&ĐT và UBND thành phố Hà Nội, việc nhà trường đã chuẩn bị đủ các điều kiện về đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất để thực hiện chương trình đào tạo đối với ngành đào tạo đã mở theo kế hoạch, lộ trình đã cam kết trong đề án mở ngành của nhà trường, gồm các nội dung theo quy định tại khoản 3, khoản 5 Điều 5 của quy định này để phục vụ công tác quản lý và hậu kiểm.

3. Trước ngày 31 tháng 12 hằng năm, Nhà trường báo cáo về Bộ GD&ĐT và UBND thành phố Hà Nội về quyết định mở ngành đào tạo đã hết hiệu lực (nếu có) do 03 năm liên tiếp nhà trường không tổ chức tuyển sinh hoặc không tuyển sinh được (đối với ngành đào tạo trình độ đại học) và 05 năm liên tiếp (đối với đào tạo trình độ thạc sĩ hoặc trình độ tiến sĩ), bao gồm các nội dung: số quyết định, ngày, tháng, năm ban hành quyết định, cơ quan ban hành quyết định, tên ngành, trình độ đào tạo, lí do quyết định mở ngành hết hiệu lực.

4. Phòng Quản lý đào tạo và Công tác học sinh, sinh viên, phòng Sau đại học, phòng Tổ chức - Hành chính và Quản trị của Trường chịu trách nhiệm lưu trữ và bảo quản hồ sơ mở ngành đào tạo, các minh chứng kèm theo hồ sơ mở ngành đào tạo, bao gồm cả các minh chứng về việc đáp ứng các điều kiện mở ngành đào tạo, bảo đảm tuân thủ theo các quy định của pháp luật hiện hành.

5. Trung tâm Thông tin – Thư viện và Học liệu công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường như sau:

a) Quy định điều kiện, trình tự, thủ tục mở ngành đào tạo ít nhất 45 ngày trước khi tổ chức thực hiện;

b) Trong thời gian 05 ngày kể từ khi ban hành quyết định mở ngành đào tạo hoặc nhận được quyết định cho phép mở ngành đào tạo của cơ quan có thẩm quyền, phải công khai trên trang thông tin điện tử của Nhà trường các nội dung sau:

- Quyết định mở ngành đào tạo;
- Những nội dung cơ bản của đề án mở ngành đào tạo đã được phê duyệt, bao gồm: chuẩn đầu vào, chuẩn đầu ra và đề cương chương trình đào tạo, danh sách đội ngũ giảng viên thực hiện chương trình, danh mục cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ đào tạo, nghiên cứu khoa học; dự kiến kế hoạch tuyển sinh và đào tạo trong 05 năm đầu tuyển sinh; địa điểm đào tạo và danh sách các địa điểm thực hành, thực tập.

Điều 12. Trách nhiệm của Nhà trường, Hội đồng thẩm định và đơn vị có người được mời tham gia Hội đồng thẩm định

1. Nhà trường có trách nhiệm:

a) Đảm bảo tính trung thực, chính xác của hồ sơ đăng ký mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ;

b) Cung cấp đầy đủ thông tin, tài liệu, minh chứng khi Hội đồng thẩm định hoặc các cơ quan có thẩm quyền yêu cầu;

c) Thành lập Hội đồng thẩm định và tổ chức thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo theo quy định;

d) Bố trí kinh phí và chi trả theo quy định hiện hành cho việc thực hiện kiểm tra, xác nhận điều kiện thực tế; thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo;

đ) Tổ chức kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm nội bộ theo quy định của pháp luật và chịu sự kiểm tra, thanh tra của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền về các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo;

e) Tổ chức xem xét hồ sơ và các điều kiện mở ngành đào tạo trình độ đại học, thạc sĩ, tiến sĩ, thông qua hồ sơ mở ngành, và gửi hồ sơ về Bộ Giáo dục và Đào tạo.

2. Chủ tịch và các thành viên Hội đồng thẩm định thực hiện thẩm định chương trình đào tạo và các điều kiện đảm bảo chất lượng đào tạo chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của các kết quả thẩm định; chịu sự kiểm tra, thanh tra, giám sát của Bộ Giáo dục và Đào tạo và các cơ quan chức năng có thẩm quyền.

3. Đơn vị có giảng viên hoặc cán bộ khoa học được mời tham gia Hội đồng thẩm định có trách nhiệm tạo điều kiện thuận lợi cho các thành viên hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 13. Tổ chức thực hiện

Nhà trường có trách nhiệm chỉ đạo các đơn vị chức năng phối hợp với các Đơn vị đào tạo:

- Hướng dẫn các đơn vị đào tạo và các đơn vị chức năng thực hiện nhiệm vụ theo quy định này.

- Đơn vị đào tạo đăng kí mở ngành chịu trách nhiệm lập tờ trình, tổ chức khảo sát nhu cầu xã hội, xây dựng chuẩn đầu ra, soạn thảo chương trình đào tạo, lập đề án mở ngành, tự đánh giá điều kiện mở ngành, đôn đốc, nhắc nhở thành viên tổ soạn thảo chương trình đào tạo thực hiện theo kế hoạch của Nhà trường.

- Đảm bảo điều kiện về đội ngũ giảng viên cơ hữu để mở ngành đào tạo, bao gồm: số lượng, trình độ chuyên môn và các hồ sơ minh chứng kèm theo.

- Chuẩn bị lí lịch khoa học của đội ngũ giảng viên phụ trách ngành đào tạo được đăng kí mở.

- Chuẩn bị các điều kiện về cơ sở vật chất, phòng học, phòng thí nghiệm, thực hành đáp ứng điều kiện mở ngành đào tạo.

- Chuẩn bị giáo trình, tài liệu tham khảo đáp ứng yêu cầu chuyên môn, đảm bảo điều kiện mở ngành đào tạo.

- Xác định nguồn kinh phí, lập dự toán trình Hiệu trưởng phê duyệt và triển khai thanh quyết toán đúng quy định.

Điều 14. Điều khoản thi hành

1. Quy định này có hiệu lực kể từ ngày kí.

2. Quyết định này thay thế Quyết định số 1593/QĐ-ĐHTĐHN ngày 20/12/2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội về việc ban hành Quy định lập hồ sơ mở ngành đào tạo trình độ đại học tại Trường Đại học Thủ đô Hà Nội./. *A*



HIỆU TRƯỞNG

[Signature]

Đỗ Hồng Cường



PHỤ LỤC
XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1689/QĐ-ĐHTĐHN ngày 02/10/2024 của Hiệu trưởng Trường Đại học Thủ đô Hà Nội)

BỘ, NGÀNH
(Cơ quan quản lý trực tiếp nếu có)
TÊN CƠ SỞ ĐÀO TẠO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
....., ngày ... tháng ... năm...

XÁC NHẬN ĐIỀU KIỆN THỰC TẾ CỦA CƠ SỞ ĐÀO TẠO

Ngành dự kiến mở:Mã ngành

Trình độ đào tạo:

1. Về giảng viên

Mẫu 1: Danh sách giảng viên, nhà khoa học, bao gồm: giảng viên cơ hữu, giảng viên ký hợp đồng lao động xác định thời hạn từ đủ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian với cơ sở đào tạo, giảng viên thỉnh giảng tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh	Số CMND, CCCD hoặc Hộ chiếu; Quốc tịch	Chức danh khoa học, năm phong	Trình độ, nước, năm tốt nghiệp	Ngành đào tạo ghi theo văn bằng tốt nghiệp	Tuyển dụng/hợp đồng từ 12 tháng trở lên làm việc toàn thời gian, hợp đồng thỉnh giảng, ngày ký; thời gian; gồm cả dự kiến		Mã số bảo hiểm	Kinh nghiệm (thời gian) giảng dạy theo trình độ (năm)	Số công trình khoa học đã công bố: cấp		Ký tên
						Tuyển dụng	Hợp đồng			Bộ	Cơ sở	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)
1	Nguyễn Văn A 15/11/1966	0920660018 79 Việt Nam	GS, 2016	TS, Việt Nam, 2002	Nuôi trồng thủy sản	01/08/1988	X	HC158293061 873267	33	10	24	
2	Nguyễn Thị B 20/12/1971	0640710074 51 Việt Nam	PGS, 2015	TS, Hà Lan, 2009	Công nghệ chế biến thủy sản	X	15/11/2010, Hợp đồng thỉnh giảng tự trả	HC893527818 012345	8	3	12	

							luong					
...												

Ghi chú: Lý lịch khoa học của giảng viên cơ hữu chủ trì xây dựng, tổ chức thực hiện chương trình đào tạo; giảng viên cơ hữu có chuyên môn phù hợp chủ trì giảng dạy của ngành đào tạo dự kiến mở được đính kèm.

Mẫu 2: Danh sách giảng viên, nhà khoa học tham gia giảng dạy các học phần, môn học trong chương trình đào tạo của ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên	Học phần/môn học giảng dạy	Thời gian giảng dạy (học kỳ, năm học)	Số tín chỉ				Giảng viên có hữu ngành phù hợp chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình/chuyên môn phù chủ trì giảng dạy/hướng dẫn luận văn, luận án
				Bắt buộc		Tự chọn		
				Học trực tiếp	Học trực tuyệt n	Học trực tiếp	Học trực tuyệt n	
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)
1	Nguyễn Văn A	Kỹ thuật sản xuất giống cá nước ngọt	Học kỳ 1, năm thứ 2	X				Giảng viên có hữu chủ trì xây dựng, thực hiện chương trình đào tạo
...								

Ghi chú: Mỗi học phần phải có ít nhất 02 giảng viên có chuyên môn phù hợp tham gia giảng dạy, nhưng phải đảm bảo không vượt quá 200 giờ so với định mức của giảng viên

Mẫu 3: Danh sách cán bộ quản lý cấp khoa đối với ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

Số TT	Họ và tên, ngày sinh, chức vụ hiện tại	Trình độ đào tạo, năm tốt nghiệp	Ngành/ Chuyên ngành	Ghi chú

2. Về kết quả nghiên cứu khoa học

Mẫu 4: Các đề tài nghiên cứu khoa học của cơ sở đào tạo, giảng viên, nhà khoa học liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở do cơ sở đào tạo thực hiện (kèm theo bản liệt kê có bản sao quyết định, bản sao biên bản nghiệm thu)

Số TT	Số quyết định, ngày phê duyệt đề tài, mã số	Đề tài cấp Bộ/đề tài cấp cơ sở	Tên đề tài	Chủ nhiệm đề tài	Số quyết định, ngày thành lập HĐKH nghiệm thu đề tài	Ngày nghiệm thu đề tài (theo biên bản nghiệm thu)	Kết quả nghiệm thu, ngày	Tên thành viên tham gia nghiên cứu đề tài (học phần/môn học được phân công)	Ghi chú

Mẫu 5: Các công trình khoa học công bố của giảng viên, nhà khoa học cơ hữu liên quan đến ngành đào tạo dự kiến mở của cơ sở đào tạo trong thời gian 5 năm tính đến thời điểm nộp hồ sơ mở ngành đào tạo (kèm theo bản liệt kê có bản sao trang bìa tạp chí, trang phụ lục, trang đầu và trang cuối của công trình công bố)

STT	Công trình khoa học	Ghi chú

Ghi chú: Công trình khoa học được liệt kê theo quy tắc sau:

- Họ tên tác giả, chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), *tên sách*, lần xuất bản, nhà xuất bản, nơi xuất bản.
- Họ và chữ cái viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tên bài viết*', *tên tập san*, số, kì/thời gian phát hành, số trang.
- Tác giả (Năm xuất bản), *tên tài liệu*, đơn vị bảo trợ thông tin, ngày truy cập.
- Họ tác giả, chữ viết tắt tên tác giả (Năm xuất bản), '*Tiêu đề bài viết*', *[trong] tên kỳ yếu*, địa điểm và thời gian tổ chức, nhà xuất bản, nơi xuất bản, số trang.

3. Về cơ sở vật chất, trang thiết bị, thư viện phục vụ cho thực hiện chương trình đào tạo

Mẫu 6: Cơ sở vật chất, trang thiết bị phục vụ thực hiện chương trình đào tạo thuộc ngành đào tạo dự kiến mở trình độ đại học/thạc sĩ/tiến sĩ của cơ sở đào tạo

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Ghi chú
1	Hội trường, giảng đường, phòng học các loại, phòng đa năng, phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên cơ hữu	199	12.351	
1.1	Hội trường, phòng học lớn trên 200 chỗ	02	1.504	
1.2	Phòng học từ 100 - 200 chỗ	02	170	
1.3	Phòng học từ 50 - 100 chỗ	02	429	

STT	Hạng mục	Số lượng	Diện tích sàn xây dựng (m ²)	Học phần /môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
1.4	Số phòng học dưới 50 chỗ	104	5.564			
1.5	Số phòng học đa phương tiện	07	336			
1.6	Phòng làm việc của giáo sư, phó giáo sư, giảng viên toàn thời gian	82	4.348			
2	Thư viện, trung tâm học liệu	09	3.334			
3	Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập	37	21.859			

Mẫu 7: Thư viện

STT	Tên sách, giáo trình, tạp chí (5 năm trở lại đây)	Tên tác giả	Nhà xuất bản, năm xuất bản, nước	Số lượng bản	Tên học phần sử dụng sách, tạp chí	Mã học phần/môn học	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Ghi chú
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Mẫu 8: Trung tâm nghiên cứu, phòng thí nghiệm, thực nghiệm, cơ sở thực hành, thực tập, luyện tập theo yêu cầu của ngành đào tạo dự kiến mở

Danh mục hỗ trợ nghiên cứu, thí nghiệm, thực nghiệm, thực hành, thực tập, luyện tập					Tên học phần/môn học sử dụng thiết bị	Thời gian sử dụng (học kỳ, năm học)	Số người học/máy, thiết bị	Ghi chú
STT	Tên gọi máy, thiết bị, ký hiệu và mục đích sử dụng	Nước sản xuất, năm sản xuất	Số lượng	Đơn vị				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)

Đại diện trưởng các đơn vị chuyên môn quản lý kê khai (theo từng mẫu trên)
(Ký tên xác nhận)

Thủ trưởng cơ sở đào tạo
(Ký tên, đóng dấu)